

Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giảng viên ở các học viện quân đội nhân dân Lào

Phôm Ma Thíp Phạ Khun*

*ThS, NCS. Học viện Chính trị, Bộ quốc phòng

Received: 4/02/2024; Accepted: 8/2/2024; Published: 15/2/2024

Abstract: The process of forming pedagogical communication skills of lecturers at Lao People's Army academies is influenced by subjective and objective factors. The article summarizes the influence of subjective factors belonging to the lecturers themselves at the Lao People's Army academies and the influence of objective factors belonging to the training environment at the academies. current Lao People's Army member.

Keywords: Pedagogical communication skills; factors affecting; Lao People's Army

1. Đặt vấn đề

Giảng viên (GV) ở các học viện Quân đội nhân dân (QĐND) Lào là những người trực tiếp giảng dạy những kiến thức về quân sự cho học viên, để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trên, đòi hỏi GV phải sử dụng nhiều kiến thức, Kỹ năng (KN) khác nhau. Một trong những KN quan trọng mà người GV cần phải có đó là KN giao tiếp (KNGT) sư phạm. Thông qua giao tiếp, GV sẽ thiết lập được mối quan hệ giữa GV và học viên, hiểu được những nhu cầu, nguyện vọng của học viên và giúp cho học viên lĩnh hội được kiến thức trong quá trình học tập. KNGT sư phạm của GV là loại KN đặc biệt, nền tảng hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn của GV. KNGT sư phạm của GV không chỉ là những thao tác kỹ thuật đơn thuần, mà chứa đựng yếu tố tâm lý, vì vậy nó chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan.

2. Nội dung nghiên cứu

KNGT sư phạm của GV ở các học viện QĐND Lào chịu ảnh hưởng bởi yếu tố chủ quan thuộc về bản thân người GV như: Trình độ, năng lực chuyên môn nghề nghiệp sư phạm của GV; kinh nghiệm, vốn sống thực tiễn của GV; đặc điểm phẩm chất nhân cách của GV; phong cách giao tiếp sư phạm và các yếu tố khách quan như: Đặc điểm tâm lý học viên; mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các học viện; môi trường văn hóa, truyền thống và bầu không khí tâm lý của tập thể; phương tiện kỹ thuật dạy học, cơ sở vật chất bảo đảm.

2.1. Nhóm các yếu tố chủ quan

* *Trình độ, năng lực chuyên môn nghề nghiệp sư phạm của GV*

Trình độ, năng lực chuyên môn nghề nghiệp của GV ở học viện QĐND Lào là nhân tố tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến KNGT sư phạm. Trình độ năng lực chuyên môn phản ánh quá trình được đào tạo, bồi dưỡng và trải nghiệm thực tiễn tính đến thời điểm hiện

tại của người GV. Đối với GV ở các học viện QĐND Lào nếu được đào tạo bài bản, được rèn luyện, bồi dưỡng thường xuyên thì trình độ năng lực chuyên môn của họ không ngừng được nâng cao. Người GV, với vai trò là chủ thể của quá trình dạy học, trên cơ sở mục đích, nhiệm vụ dạy học đã xác định phải biết thiết kế, xây dựng nội dung, phương pháp dạy học sao cho phù hợp với đặc thù của môn học. Trình độ năng lực chuyên môn tỉ lệ thuận với KN dạy học và KNGT sư phạm. Có trình độ năng lực chuyên môn tốt, GV thường tích cực tìm tòi, bổ sung kiến thức, trau dồi phương pháp dạy học, chủ động, tích cực vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm vào các tình huống khác nhau để không ngừng nâng cao KNGT sư phạm.

Trình độ năng lực chuyên môn giúp cho GV nắm được các tri thức về hành động, cách thức hành động đúng đắn, nhanh chóng (tức là có KN). Trình độ năng lực chuyên môn còn giúp cho KNGT sư phạm hình thành nhanh và ổn định. KNGT sư phạm là một mức độ lĩnh hội hoạt động, nếu không có trình độ năng lực chuyên môn thì không thể có các hành động dạy học được vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả.

Trên thực tế, có GV chưa có KNGT sư phạm nhưng họ vẫn có niềm đam mê biểu hiện năng lực về hoạt động dạy học (năng khiếu). Ngược lại, có GV có trình độ phát triển KNGT sư phạm tương đối hoàn thiện, các hành động được tiến hành tương đối thành thạo, song trình độ năng lực dạy học chưa chắc đã phát triển. Họ thường là những người quen việc, biết cách làm nhưng chưa chắc đã hay. Xuyên suốt quá trình nghiên cứu chúng tôi coi KNGT sư phạm là một thành tố cấu thành nên trình độ năng lực chuyên môn, là biểu hiện rõ nét và đặc trưng nhất của trình độ năng lực chuyên môn.

** Kinh nghiệm, vốn sống thực tiễn*

Kinh nghiệm là sự hiểu biết được đúc kết lại của mỗi cá nhân đã từng trải nghiệm trong công việc và trong cuộc sống, đã thấy được kết quả khiến cho có thể phát huy được mặt tốt, khắc phục được mặt chưa tốt. Kinh nghiệm, vốn sống thực tiễn có ảnh hưởng nhất định tới hiệu quả giao tiếp của GV. Những kinh nghiệm tích lũy được trong cuộc sống và công việc là những bài học được rút ra từ thực tiễn sẽ giúp GV xử lý một cách linh hoạt và khéo léo các tình huống giao tiếp sư phạm xảy ra. Người GV có vốn sống, kinh nghiệm đã được kiểm chứng từ thực tiễn cuộc sống và hoạt động của mỗi cá nhân, giúp họ vận dụng vào thực tiễn giao tiếp sư phạm một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Nếu GV có vốn sống và kinh nghiệm phong phú và bề dày sẽ giúp họ xử lý công việc tốt, giúp họ chủ động và bình tĩnh trong mọi tình huống đặc biệt xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm xảy ra. Các vấn đề mới phức tạp nảy sinh sẽ được nghiên cứu, so sánh với vốn tri thức, kinh nghiệm đã có để tìm ra phương án hành động tốt nhất, tránh được những sai lầm lặp lại, rủi ro ngẫu nhiên có thể xảy ra. Hơn thế nữa, kinh nghiệm vốn sống là yếu tố làm cho người học viên tìm thấy sự tin tưởng ở người GV, sẵn sàng tiếp nhận những thông tin từ người GV truyền đạt. Trong thực tế thường thì người nào có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong nghề, họ sẽ sử dụng KN thành thục và linh hoạt hơn khi giao tiếp.

Kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động của GV cũng là một yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến biểu hiện KNGT sư phạm của GV. Những kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn mà người GV tự đúc kết được trong quá trình làm việc sẽ tạo nền tảng để học vận dụng vào quá trình giao tiếp sư phạm, tạo hiệu quả cho quá trình giáo dục và hoàn thiện nhân cách người học viên. Kinh nghiệm thường có được sau một quá trình, nghĩa là có sự liên quan đến tuổi tác, thâm niên nghề nghiệp của người GV.

** Đặc điểm phẩm chất nhân cách*

Giao tiếp của GV phản ánh mối quan hệ người - người, không chỉ là sự thông tin mà còn là sự tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các chủ thể giao tiếp, thông qua đó các phẩm chất nhân cách hình thành, phát triển. Vì vậy, đặc điểm phẩm chất nhân cách, đặc biệt là tính cách, long yêu nghề, có sự liên quan chặt chẽ, tác động đến sự phát triển KNGT của GV.

Tính cách của GV biểu hiện trong hệ thống những mối quan hệ đối với hiện thực xung quanh. Trong quan hệ đó với học viên, tính cách của GV có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả quá trình giao tiếp sư phạm đặt ra.

Thực tiễn nhiều người suy nghĩ rằng, GV dạy các

môn quân sự, kỹ chiến thuật, điều lệnh là những người mà cuộc sống của họ thiên về chiều sâu, trầm tĩnh, chín chắn, mô phạm về đạo đức, tình cảm, nhạy cảm cao trong giao tiếp. Cũng có ý kiến cho rằng, đã là GV phải là những người sôi nổi, thích hoạt động giao tiếp, có sự phong phú về tâm hồn, dễ thích nghi và đồng cảm với người khác, ưa xã giao, biết đưa ra ý kiến, nhận định và lời nói phù hợp cho những tình huống giao tiếp sư phạm cần thiết. Đã có nhiều nghiên cứu chỉ ra, một số đặc điểm cá nhân như sự nhiệt tình, thái độ chân thực, thân thiện, chấp nhận, không giáo điều, tư duy rộng mở, trưởng thành về tâm lý, khỏe về tinh thần, hiểu biết về chuyên môn... là tiền đề cho sự hình thành và phát triển các KNGT cũng như các phẩm chất nhân cách khác của GV.

** Phong cách giao tiếp sư phạm*

Giao tiếp sư phạm ở các nhà trường trong hệ thống giáo dục - đào tạo không chỉ có chức năng trao đổi thông tin mà còn là điều kiện thực hiện mọi hoạt động giáo dục. Giao tiếp sư phạm diễn ra trên cơ sở mối quan hệ giao tiếp giữa GV và học viên. Trong dạy học, người GV giữ vai trò chủ đạo, định hướng, điều khiển và tổ chức học tập cho học viên. Người GV thuyết phục học viên bằng trình độ tri thức, sự uyên thâm về trí tuệ và bằng nghệ thuật sư phạm khéo léo dẫn dắt học viên đi tìm, phát hiện chân lý, từ đó hình thành cho học viên có được niềm tin trong học tập. Vì vậy, người GV không chỉ truyền thụ tri thức cho học viên bằng phương pháp sư phạm mà còn cả chính nhân cách và điều đó được thể hiện thông qua phong cách giao tiếp sư phạm.

Đội ngũ GV các học viện QĐND Lào là lực lượng cơ bản bảo đảm cho công tác giáo dục - đào tạo của nhà trường. Những tri thức được lĩnh hội trong quá trình học tập và kinh nghiệm thực tiễn ở đơn vị cơ sở đã giúp họ có được những phẩm chất, năng lực sư phạm quân sự góp phần vào xây dựng nhà trường vững mạnh.

2.2. Nhóm các yếu tố khách quan

** Đặc điểm tâm lý học viên*

Học viên ở các học viện QĐND Lào có thái độ, nếp sống, hành vi phù hợp với môi trường hoạt động quân sự, họ là những người sôi nổi, nhiệt tình, ưa thể hiện khẳng định mình, chưa bị ràng buộc bởi những thói quen, khuôn mẫu nhất định, có các mối quan hệ xã hội, nhạy cảm và quan tâm đến vấn đề chính trị, xã hội, có chính kiến riêng và có thái độ đánh giá, xem xét, phê phán các quan điểm cũng như các vấn đề tiêu cực xảy ra trong tập thể. Đó là những dấu hiệu tích cực, nếu biết tập trung khai thác và phát huy những đặc điểm tâm lý lứa tuổi sẽ là điều kiện thuận lợi để tổ chức thực hiện truyền đạt thông tin, thiết lập mối quan

hệ, phát triển các KNGT sư phạm cho GV.

* Mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các học viện

Trong điều kiện hiện nay ở Lào, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã và đang có những tác động mạnh mẽ đến phát triển KNGT của GV. Tính năng động của nền kinh tế thị trường, những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự mở cửa, hội nhập sâu, rộng, một mặt, đã khơi dậy KNGT sư phạm sáng tạo to lớn ở mỗi người GV. Người GV có nhiều điều kiện và cơ hội hơn trong lãnh đạo, học tập, tiếp thu những thành tựu khoa học công nghệ, văn minh nhân loại. Người GV trở nên năng động, nhạy bén, dễ tiếp nhận, thích nghi với sự thay đổi, có khả năng thích ứng, hòa nhập trong môi trường đa văn hóa. Mặt khác, cũng đặt ra nhiều yêu cầu đòi hỏi người GV phải nỗ lực rèn luyện, không ngừng phát triển KNGT sư phạm cho bản thân mới có thể đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đặt ra.

Bên cạnh đó, mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các học viện ở QĐND Lào có ảnh hưởng đến KNGT của GV. Trước yêu cầu giáo dục và đào tạo của các học viên cần phải đổi mới cách thức, phương pháp giảng dạy nhằm hình thành phẩm chất, năng lực cho học viên. Đòi hỏi mỗi GV cần phải trang bị và hình thành cho bản thân KNGT phù hợp để thực hiện có hiệu quả quá trình giảng dạy.

* Môi trường văn hóa, truyền thống và bầu không khí tâm lý của tập thể.

Môi trường văn hóa, truyền thống và bầu không khí tâm lý của nhà trường chính là nơi diễn ra các mối quan hệ qua lại và giao tiếp của các GV ở các khoa. Môi trường làm việc tốt là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển KNGT sư phạm của người GV. Thực tế cho thấy đơn vị nào môi trường làm việc không tốt sẽ cản trở đối với giao tiếp, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả làm việc không cao; bầu không khí tâm lý tích cực không được phát huy. Một môi trường, điều kiện làm việc tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người GV phát huy hết khả năng, năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích cực tham gia các hoạt động, tận dụng thời gian làm việc.

Mối quan hệ giữa lãnh đạo, chỉ huy khoa với GV là một nội dung hết sức quan trọng, ảnh hưởng không nhỏ đến KNGT của người GV. Nếu lãnh đạo, chỉ huy khoa luôn gần gũi, tận tâm giải quyết hài hòa các mối quan hệ, bình đẳng, tôn trọng, biết lắng nghe, biết kìm chế trong mọi hoàn cảnh thì giúp cho GV luôn giữ được động lực làm việc. Ngược lại nếu mối quan hệ này không tốt sẽ tạo những khoảng cách giữa GV với lãnh đạo, chỉ huy khoa, gây nên những bức xúc, ức

chế ở người GV, làm cho GV không thiết tha với nghề, thiếu tính tích cực, chủ động, sự tâm huyết, hứng thú nghề nghiệp sư phạm.

* *Phương tiện kỹ thuật dạy học, CSVC bảo đảm*

Đó là hệ thống những trang thiết bị, kỹ thuật mà người dạy và người học sử dụng trong dạy học nhằm nâng cao hiệu quả quá trình dạy học. Những yếu tố này làm cho quá trình dạy học diễn ra nhanh hơn và hiệu quả hơn và trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng vận dụng KNGT sư phạm của GV. Phương tiện kỹ thuật tiên tiến, điều kiện vật chất bảo đảm sẽ hỗ trợ cho GV vận dụng hiệu quả các KNGT sư phạm, đặc biệt hỗ trợ hiệu quả khả năng vận dụng, truyền tải đến người học lượng thông tin và làm tăng hiệu quả rút ngắn thời gian hoàn thành các mục tiêu dạy học đề ra. Ngược lại, điều kiện làm việc thiếu thốn, phương tiện kỹ thuật dạy học lạc hậu, thô sơ, sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả của việc hoàn thiện các KNGT sư phạm.

Quá trình thực hành trên các phương tiện kỹ thuật dạy học, nhất là trên tổ hợp công nghệ mô phỏng, hứng thú nhận thức được kích thích, buộc GV phải tìm tòi, suy nghĩ, phát triển trí sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt. Mặt khác khi thực hành trên các phương tiện kỹ thuật hiện đại còn giúp cho GV hình thành được tính kiên trì, độ chính xác cao, kỷ luật, thái độ nghiêm túc với hoạt động quân sự.

3. Kết luận

KNGT sư phạm của GV ở các học viện QĐND Lào là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm và phương thức hành động của GV vào thực hiện có hiệu quả hoạt động sư phạm thông qua các hành động thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp của người GV với học viên trong dạy học nhằm đạt mục tiêu giáo dục đề ra. Để nâng cao KNGT sư phạm cho người GV, các học viện QĐND Lào cần phát huy sự ảnh hưởng tích cực và hạn chế mức độ ảnh hưởng tích cực của các yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan đến KNGT sư phạm của GV.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Anh (1992), *KNGT sư phạm của sinh viên*, Luận án phó tiến sĩ khoa học sư phạm tâm lý, ĐHSP Hà Nội.
2. Bùi Tuấn Anh (2017), *Bồi dưỡng KNGT sư phạm cho học viên Hệ 2*, Học viện Chính trị quân sự.
3. Cruchetxki V.A (1981), *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm, tập 1,2*. NXB Giáo dục. Hà Nội.
4. Vũ Dũng (2003), *Tâm lý học giao tiếp*, NXB Lao động, Hà Nội.
5. Vũ Thúy Hoàn (2018), *KNGT sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, HVCT. Hà Nội.